

CƠ CHẾ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM CHO NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN TRÊN INTERNET ĐỐI VỚI HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ CỦA BÊN THỨ BA TẠI HOA KỲ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

■ PHẠM HẢI YẾN, NGUYỄN PHƯƠNG THẢO & LƯƠNG MAI TRANG*

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho nhà cung cấp dịch vụ trung gian trên internet đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả của bên thứ ba (cơ chế Safe Harbor) trong luật pháp Hoa Kỳ và Việt Nam, từ đó, đưa ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến các trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho nhà cung cấp dịch vụ trung gian trên internet.

Từ khóa: Nhà cung cấp dịch vụ trung gian trên internet; Safe Harbor; Hoa Kỳ; Việt Nam.

Nhận bài: 20/3/2025

Hoàn thành biên tập: 09/4/2025

Duyệt đăng: 16/4/2025

SAFE HARBOR MECHANISM FOR INTERNET INTERMEDIARY SERVICE PROVIDERS AGAINST THIRD-PARTY COPYRIGHT INFRINGEMENT IN THE UNITED STATES AND EXPERIENCE FOR VIETNAM

Abstract: : The article analyzes the mechanism of exemption from liability for intermediary service providers on the Internet for third-party copyright infringement (Safe Harbor mechanism) in the laws of the United States and Vietnam, thereby providing some experience for Vietnam in building and completing the legal framework related to cases of exemption from liability for intermediary service providers on the Internet.

Keywords: Intermediary service providers on the Internet; Safe Harbor; United States; Việt Nam.

Article received: 20/3/2025

Editing completed: 09/4/2025

Approved for publication: 16/4/2025

Đặt vấn đề

Hoa Kỳ là quốc gia tiên phong trong phát triển internet và sớm ban hành các quy định nhằm bảo đảm môi trường mạng ổn định, tiêu biểu là cơ chế Safe Harbor trong Đạo luật Bản quyền thiên niên kỷ kỹ thuật số năm 1998 (DMCA). Trong khi đó, Việt Nam chỉ mới bổ sung cơ chế này trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022), chủ yếu để nội luật hóa cam kết trong Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) nhưng còn thiếu quy định về miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp trung gian.

Do đó, việc nghiên cứu pháp luật Hoa Kỳ để đưa ra kinh nghiệm góp phần hoàn thiện quy định pháp lý tại Việt Nam mang ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

1. Cơ chế Safe Harbor tại Hoa Kỳ

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu cách mạng thông tin và tạo điều kiện kết nối người dùng với mạng lưới dữ liệu toàn cầu, Hoa Kỳ đã ban hành nhiều quy định, trong đó có cơ chế Safe Harbor tại Điều 512 DMCA. Quy định này thiết lập cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho 04 loại hình nhà cung cấp dịch vụ trung gian trên internet (ISPs). Để được hưởng miễn trừ khi xảy ra hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên

* Trường Đại học Luật Hà Nội

thứ ba thực hiện, các nhà cung cấp này cần đáp ứng các điều kiện nhất định, gồm điều kiện chung và điều kiện riêng tùy theo từng loại hình dịch vụ.

1.1. Điều kiện chung

Thứ nhất, ban hành, áp dụng một cách hợp lý và thông báo cho người dùng về một chính sách ngừng cung cấp dịch vụ được áp dụng trong những trường hợp thích hợp¹ đối với những người dùng tái phạm hành vi xâm phạm quyền tác giả (Điều 512(i)(1)(A) DMCA). Điều kiện này gồm 03 nội dung chính:

(i) Các ISPs phải ban hành và thông báo chính sách chấm dứt tài khoản, kết nối mạng của người dùng tái phạm trong những trường hợp thích hợp. Để xác định họ đáp ứng điều kiện này, cần xem xét: chính sách đã được ban hành dưới hình thức cụ thể chưa; nội dung chính sách có quy định rõ về việc chấm dứt trong các trường hợp hợp lý hay không.

(ii) Thực thi một cách hợp lý (reasonably implemented) chính sách chấm dứt tài khoản và kết nối mạng của người dùng tái phạm. Pháp luật Hoa Kỳ hiện chưa có quy định cụ thể về việc thế nào được coi là thực thi hợp lý chính sách chấm dứt tài khoản và kết nối mạng của người dùng, thay vào đó, vấn đề này được quyết định bởi Tòa án. Nhìn chung, các Tòa án thường quyết định vẫn thực thi chính sách một cách hợp lý dựa trên việc xem xét hai câu hỏi: *một là*, các ISPs có ban hành một quy trình cho việc tiếp nhận những lời khiếu nại và chuyển tiếp những lời khiếu nại đó đến người dùng (cơ chế thông báo) hay không; *hai là*, nếu đã có cơ chế thông báo, các ISPs có “dung thứ” cho những hành vi xâm phạm quyền tác giả được thực hiện một cách “trắng trợn” bởi người dùng hay không². Nếu đáp ứng các điều kiện trên, các ISPs sẽ được

xác định là đã thực thi chính sách một cách hợp lý.

(iii) Chủ thể tái phạm (repeat infringer). Vấn đề liên quan đến chủ thể tái phạm thường được quyết định bởi các ISPs, tuy nhiên, vẫn có sự tham gia của phía Tòa án. Theo đó, các ISPs được quyền tự đưa ra định nghĩa về chủ thể tái phạm và định nghĩa này không nhất thiết phải đồng nhất giữa các ISPs, thậm chí, không phải đồng nhất giữa một ISPs trong những vụ việc khác nhau. Tuy nhiên, đây chỉ là quyền, do vậy, các ISPs không có nghĩa vụ bắt buộc trong việc đưa ra định nghĩa cũng như xác định chủ thể tái phạm. Thực trạng này có thể là do tại Điều 512(i)(1)(A) DMCA, Quốc hội đã sử dụng những ngôn ngữ mở để cho các yêu cầu đối với chính sách và những nghĩa vụ sau đó của các ISPs được định nghĩa một cách lỏng lẻo.

Thứ hai, thích ứng (accommodate) và không can thiệp vào những biện pháp kỹ thuật tiêu chuẩn (Standard Technical Measures - STMs). Tại Điều 512(i)(2) DMCA có đưa ra giải thích về khái niệm “những biện pháp kỹ thuật tiêu chuẩn”. Theo đó, đây là những biện pháp được sử dụng bởi chủ sở hữu bản quyền nhằm nhận dạng và bảo vệ các tác phẩm được bảo vệ bản quyền và những biện pháp đó phải đáp ứng đủ 03 điều kiện sau:

(i) Đã được phát triển theo sự đồng thuận rộng rãi (broad consensus) của các chủ sở hữu quyền tác giả và các ISPs trong một quy trình tiêu chuẩn đa ngành (multi-industry standards process), tự nguyện, công bằng và cởi mở.

(ii) Có sẵn cho bất kỳ ai trong một thuật ngữ hợp lý và không phân biệt đối xử. Yêu cầu này được đặt ra nhằm hạn chế khả năng loại bỏ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc được phép áp dụng STMs.

1. Trong nhiều tài liệu, chính sách này còn gọi là chính sách đối cho chủ thể tái phạm (repeat infringers policy).

2. Corbis Corporation v. Amazon.com, Inc. (W.D.Wash. 12-21-2004).

(iii) Không áp đặt những chi phí lớn lên các ISPs hoặc những gánh nặng lớn lên hệ thống hoặc mạng của họ. Việc phát sinh các chi phí và gánh nặng là điều mà các ISPs không thể tránh khỏi khi STMs được áp dụng, bởi chủ thể này sẽ mất thêm chi phí để bảo đảm STMs được vận hành hiệu quả. Tuy nhiên, những chi phí và gánh nặng mà các ISPs phải gánh chịu vẫn có thể chấp nhận được nếu nó không quá lớn (substantial).

Thứ ba, phải là một nhà cung cấp dịch vụ trung gian theo định nghĩa của pháp luật.

1.2. Điều kiện riêng

1.2.1. Trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên thứ ba thực hiện tại Hoa Kỳ

Theo Điều 512(a) DMCA, nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng là chủ thể thực hiện nhiệm vụ truyền tải, định tuyến³ hoặc cung cấp kết nối cho những tài liệu được cung cấp bởi người dùng dịch vụ thông qua hệ thống do chủ thể này vận hành hoặc kiểm soát hoặc lưu trữ trung gian và tạm thời những tài liệu đó để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ đã nêu. Hiểu một cách ngắn gọn, đây là một ISPs chỉ thực hiện nhiệm vụ truyền tải (conduit), đóng vai trò truyền tải dữ liệu kỹ thuật số từ một điểm trên mạng tới một điểm khác cho người khác⁴. Theo Điều 512(a) DMCA, để được hưởng trường hợp miễn trừ trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng cần đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, việc truyền tải dữ liệu được khởi xướng bởi hoặc theo chỉ đạo của một người khác, không phải là nhà cung cấp dịch vụ (the service provider). Tại Điều 512(a) DMCA có sử dụng thuật ngữ “the service provider”, vậy, nhà cung cấp dịch vụ được đề cập đến ở đây chính là các nhà cung cấp dịch vụ đã được nhắc đến trước đó trong Điều luật này, cụ thể, đó chính là nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng.

Thứ hai, việc truyền tải, định tuyến, cung cấp kết nối hoặc lưu trữ dữ liệu phải diễn ra thông qua một quy trình kỹ thuật tự động mà không có sự can thiệp của nhà cung cấp. Điều này giúp bảo đảm vai trò là “bên giúp sức” khi có hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Thứ ba, nhà cung cấp dịch vụ không lựa chọn người nhận dữ liệu, trừ khi đó là một sự phản hồi tự động đối với yêu cầu của một người dùng khác. Điều kiện này cũng góp phần bảo đảm tính trung gian của nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng.

Thứ tư, các bản sao trung gian, tạm thời được lưu trữ trên hệ thống hoặc mạng của nhà cung cấp dịch vụ trung gian không phải là các dữ liệu mà tất cả mọi người, ngoại trừ người nhận chỉ định, có thể truy cập được. Các bản sao đó không được lưu trên hệ thống một cách lâu hơn mức cần thiết để phục vụ cho việc truyền tải, định tuyến hoặc cung cấp kết nối.

Thứ năm, các tài liệu được truyền qua hệ thống hoặc mạng của nhà cung cấp sẽ không bị sửa đổi

3. “Định tuyến” là quá trình lựa chọn đường dẫn trong một mạng máy tính mạng này gồm nhiều máy tính được gọi là các nút và các liên kết/đường dẫn nối chúng. Khi hai nút trong mạng cần truyền thông tin với nhau, có nhiều đường dẫn khả dụng để kết nối nó. Định tuyến là quá trình quyết định đường dẫn nào là tối ưu nhất, thường dựa trên các quy tắc và thuật toán được thiết lập trước (Lê Thị Hồng Nhung, “*Định tuyến là gì? Những điều cần biết và tác động của định tuyến trong kết nối mạng*”, <https://fptshop.com.vn/tin-tuc/danh-gia/dinh-tuyen-la-gi-174701>, truy cập ngày 28/3/2025).

4. Bui Dinh Nghia (2023), “*Safe Harbor Mechanism for Intermediary Service Providers in the World and Recommendations for Improving Vietnamese Law*”, VNU Journal of Science.

nội dung. Điều kiện này cũng có ý nghĩa giống với điều kiện thứ ba (nêu trên) bảo đảm nhà cung cấp dịch vụ truyền tải thông tin mạng không có được những kiến thức cụ thể về hành vi vi phạm.

1.2.2. Trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên thứ ba thực hiện tại Hoa Kỳ

Điều 512(b)(2) DMCA đã đặt ra các điều kiện để bảo đảm các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống có những động thái can thiệp chống lại hành vi vi phạm quyền tác giả của người dùng. Cụ thể:

Thứ nhất, nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống không được sửa đổi nội dung của tài liệu. Điều kiện này tương đồng với một trong những điều kiện mà các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng (người dùng A) cần đáp ứng.

Thứ hai, nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống phải tuân thủ các quy tắc liên quan đến làm mới, tải lại hoặc cập nhật các tài liệu khi được chỉ định bởi người cung cấp tài liệu trực tuyến (người dùng B).

Thứ ba, nhà cung cấp dịch vụ không can thiệp vào khả năng của công nghệ liên quan đến tài liệu trong việc trả lại cho người dùng B thông tin mà người đó sẽ nhận được nếu tài liệu đã được các người dùng A lấy trực tiếp từ người đó, nếu các công nghệ đó đáp ứng được một số điều kiện luật định. Trong đó, tại Điều 512(b)(2)(C) DMCA cũng chỉ ra, các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống chỉ không can thiệp nếu các công cụ công nghệ nêu trên đáp ứng 03 điều kiện: (i) không gây cản trở đáng kể đến hiệu suất của hệ thống hoặc mạng của các nhà cung cấp dịch vụ hoặc việc lưu trữ trung gian, tạm thời của các dữ liệu; (ii) phù hợp với các giao thức truyền thông tiêu chuẩn; (iii) không trích xuất những thông tin khác từ hệ thống hoặc mạng của nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ, ngoại trừ những thông tin liên quan tới số lần truy cập của người dùng.

Thứ tư, nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống cần áp dụng những điều kiện tương tự với những điều kiện mà người dùng B đã đặt ra về vấn đề có được quyền truy cập vào tài liệu.

Thứ năm, nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ hệ thống cần hành động một cách nhanh chóng để xóa bỏ hoặc chặn quyền truy cập đến các tài liệu được đăng tải bởi người dùng B nếu tài liệu đó bị khiếu nại là xâm phạm quyền tác giả.

1.2.3. Trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ thông tin theo chỉ định của người dùng đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên thứ ba thực hiện tại Hoa Kỳ

Điều 512 (c)(1) DMCA đặt ra những điều kiện mà các ISPs cần đáp ứng. Cụ thể:

(i) Không có kiến thức thực tế (actual knowledge) về hành vi xâm phạm quyền tác giả và nếu có thì hành động một cách nhanh chóng để gỡ bỏ hoặc chặn quyền truy cập đến các tài liệu đó. DMCA chưa đưa ra định nghĩa cho thuật ngữ “kiến thức thực tế”, tuy nhiên, trong vụ Viacom kiện Youtube năm 2012, Tòa án cũng đưa ra giải thích “kiến thức thực tế” là những nhận thức chủ quan mà nhà cung cấp dịch vụ về các hành vi cụ thể.

(ii) Không nhận được lợi ích tài chính trực tiếp có thể quy về hoạt động vi phạm, trong trường hợp nhà cung cấp dịch vụ có quyền và khả năng kiểm soát các hoạt động vi phạm đó.

(iii) Các ISPs cần hành động một cách nhanh chóng để gỡ bỏ hoặc ngăn chặn quyền truy cập đến các tài liệu được báo cáo là vi phạm hoặc là đối tượng của hành vi vi phạm sau khi nhận được thông báo hợp lệ.

1.2.4. Trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp công cụ xác định thông tin đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên thứ ba thực hiện tại Hoa Kỳ

Điều 512(d) DMCA đưa ra thêm quy định về

nội dung của thông báo gỡ bỏ.

Thứ nhất, cơ chế thông báo và gỡ bỏ (NTD) quy định 03 loại thông báo chính: (i) thông báo vi phạm bản quyền từ chủ sở hữu quyền hoặc người được ủy quyền; (ii) thông báo phản đối việc gỡ bỏ hoặc chặn truy cập của người dùng; (iii) thông báo từ ISPs gửi đến người dùng có nội dung bị gỡ bỏ. Các thông báo phải bảo đảm tính chính xác, nếu cung cấp sai sự thật sẽ bị xử lý theo Điều 512(f) DMCA, trừ trường hợp bên gửi thông báo có thiện chí.

Thứ hai, việc tuân thủ đúng quy trình gỡ bỏ không chỉ giúp hạn chế hành vi xâm phạm quyền tác giả trên các nền tảng do ISPs cung cấp mà còn là điều kiện cần để họ được hưởng cơ chế Safe Harbor. Theo Điều 512 DMCA, nghĩa vụ này áp dụng cho 03 nhóm ISPs: dịch vụ lưu trữ hệ thống (Điều 512(b)), lưu trữ theo chỉ định người dùng (Điều 512(c)) và công cụ xác định thông tin (Điều 512(d)). Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều ISPs né tránh hoặc thực hiện thủ tục một cách đối phó, làm giảm hiệu quả của cơ chế này.

Thứ ba, vấn đề liên quan đến sử dụng hợp lý (fair use). Việc sử dụng hợp lý giống như các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, gồm các trường hợp người dùng được quyền sử dụng tác phẩm mà không cần phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả. Nếu một chủ thể được xác định là sử dụng hợp lý tác phẩm trong tài liệu/dữ liệu của mình thì những tài liệu/dữ liệu đó sau khi đăng tải trên các nền tảng của các ISPs cũng sẽ không bị gỡ bỏ hoặc chặn quyền truy cập hoặc nếu đã bị gỡ bỏ hoặc chặn quyền truy cập thì cũng sẽ được khôi phục lại.

1.3. Đánh giá cơ chế Safe Harbor tại Hoa Kỳ

Thứ nhất, về ưu điểm. Cơ chế Safe Harbor ở Hoa Kỳ đã:

(i) Thúc đẩy, tạo động lực cho các ISPs phát

triển. Các ISPs là chủ thể cung cấp các nền tảng, dịch vụ để kết nối người dùng với nhau. Với vai trò đó, việc kiểm soát toàn bộ hoạt động của người dùng, gồm cả những hành vi vi phạm là điều không thực tế với các ISPs.

(ii) Góp phần làm giảm hành vi xâm phạm quyền tác giả. Thành tựu này đạt được rõ nhất thông qua việc thực hiện cơ chế NTD - một trong những điều kiện cơ bản bảo đảm ISPs được hưởng cơ chế Safe Harbor.

(iii) Bảo đảm tính công bằng và quyền lợi của các chủ thể có liên quan. Điều này được thể hiện rõ thông qua cơ chế đưa ra và giải quyết các thông báo phản đối của những người dùng có nội dung/tài liệu bị gỡ bỏ sai và chế tài đối với những chủ thể cố tình đưa ra thông báo sai sự thật trong quy định tại DMCA.

Thứ hai, về hạn chế: hiện còn có những nội dung liên quan đến cơ chế Safe Harbor chưa được quy định rõ trong DMCA, khiến các ưu điểm trên khó đạt được thông qua thực tiễn thực thi cơ chế. Có một số nội dung chưa được quy định rõ như: vấn đề liên quan đến “tái vi phạm”, “phản ứng một cách nhanh chóng”, “lâu hơn mức cần thiết”... Ngoài ra, trong quy định của DMCA liên quan đến cơ chế Safe Harbor, cũng có những nội dung chưa thực sự phù hợp. Điển hình như nội dung liên quan đến quy định liên quan đến thời gian khôi phục lại tài liệu/dữ liệu bị gỡ bỏ hoặc chặn quyền truy cập sai. Nhìn chung, những hạn chế này khiến cho tính hiệu quả chung của cơ chế không được bảo đảm.

2. Cơ chế Safe Harbor tại Việt Nam

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 là văn bản đầu tiên quy định cụ thể về doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Theo đó, đây là các doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân đưa nội dung số lên mạng viễn thông, internet và cung cấp kết nối để

công chúng truy cập thông tin đó (khoản 1 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005). Định nghĩa này tương đồng với “nhà cung cấp dịch vụ” tại Hoa Kỳ, tuy nhiên, Việt Nam không phân loại rõ các nhóm ISPs. Theo Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Nghị định 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (Nghị định số 17/2023/NĐ-CP), doanh nghiệp trung gian có một số trách nhiệm cơ bản trong bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng:

(i) Triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng internet (khoản 2 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 111 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP).

(ii) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền, thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng internet.

(iii) Thực hiện các trách nhiệm đối với người dùng dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

(iv) Gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan thông qua yêu cầu của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 114 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP).

(v) Thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (khoản 6 Điều 111 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP).

Đối với các trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do bên thứ ba thực hiện, theo khoản 3 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, doanh nghiệp cung cấp dịch

vụ trung gian sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong những trường hợp sau:

Trường hợp 1, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian chỉ thực hiện việc truyền dẫn nội dung thông tin số hoặc cung cấp khả năng truy nhập đến nội dung thông tin số. Theo khoản 5 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, nội dung thông tin số là tác phẩm và cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được thể hiện dưới dạng số. Như vậy, đối với các doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ truyền dẫn, nghĩa là truyền dẫn nội dung thông tin số từ người dùng này qua người dùng khác hoặc cung cấp khả năng truy nhập đến nội dung thông tin số, nghĩa là cung cấp quyền truy cập hoặc các điều kiện để truy cập đến nội dung thông tin số như môi trường, nền tảng hoặc mạng internet thì sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do người dùng thực hiện. Mặt khác, theo quy định của pháp luật Việt Nam, các doanh nghiệp cung cấp 02 nhóm dịch vụ này sẽ được tự động miễn trừ trách nhiệm, mà không cần đáp ứng thêm bất cứ các điều kiện nào khác. Trường hợp miễn trừ trách nhiệm này khá tương đồng với trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ. Tuy nhiên, khác với pháp luật Hoa Kỳ - có quy định thêm một số điều kiện có liên quan mà các ISPs cần đáp ứng để miễn trừ, pháp luật Việt Nam không đặt ra bất kỳ điều kiện gì đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ loại này.

Trường hợp 2, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lưu trữ đệm sẽ được miễn trừ trách nhiệm nếu đáp ứng một số điều kiện luật định. Cụ thể, khi thực hiện chức năng lưu trữ đệm trong quá trình truyền dẫn thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện một cách tự động, tạm

thời nhằm mục đích trung chuyển thông tin và làm cho việc truyền dẫn thông tin hiệu quả hơn, với các điều kiện sau: (i) chỉ biến đổi thông tin vì lý do công nghệ; (ii) tuân thủ các điều kiện truy nhập, sử dụng nội dung thông tin số; (iii) tuân thủ các quy tắc về cập nhật nội dung thông tin số được quy định cụ thể theo cách thức được ngành công nghiệp thừa nhận và sử dụng rộng rãi; (iv) không ngăn cản việc sử dụng hợp pháp công nghệ được thừa nhận rộng rãi trong ngành công nghiệp để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số; (v) gỡ bỏ nội dung thông tin số hoặc không cho truy nhập đến nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó đã được gỡ bỏ tại nguồn khởi đầu hoặc nguồn khởi đầu đã hủy việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó.

Về bản chất, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cụ thể hóa quy định tại Điều 12.55 Hiệp định EVFTA, đồng thời, ngoài Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, chưa có một văn bản pháp luật cụ thể nào giải thích rõ hơn về các nội dung cũng như điều kiện quy định tại trường hợp miễn trừ này.

Trường hợp 3, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lưu trữ nội dung thông tin số của người dùng dịch vụ theo yêu cầu được miễn trừ trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả do người dùng thực hiện nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Cụ thể, theo điểm c khoản 3 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ loại này cần đáp ứng một số điều kiện nhất định:

(i) Không biết nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

(ii) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian cần nhanh chóng gỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập nội dung số khi biết nội dung đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Theo khoản 3 Điều 113 và khoản 5 Điều 114 Nghị định 17/2023/NĐ-CP,

yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ thể quyền gửi qua công cụ tiếp nhận chính là bằng chứng cho thấy doanh nghiệp đã biết về hành vi vi phạm. Để được miễn trừ trách nhiệm, doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập theo quy định trên.

Trường hợp 4, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm đối với các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ. Hiện chưa có trường hợp miễn trừ trách nhiệm mới nào cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được ghi nhận trong các nghị định của Chính phủ.

Có thể thấy, các quy định về cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại Việt Nam có sự tương thích với Hiệp định EVFTA. Tuy nhiên, còn thiếu những quy định liên quan đến các trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Vì thế, nội dung này cần được nghiên cứu và bổ sung.

3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian từ quy định về cơ chế Safe Harbor tại Hoa Kỳ

Thứ nhất, cần bổ sung các điều kiện đối với trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 chưa đưa ra bất kỳ điều kiện nào mà các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng cần đáp ứng để bảo đảm tính trung gian của chủ thể này, dễ làm cho cơ chế miễn trừ trách nhiệm bị lợi dụng. Do vậy, cần bổ sung các điều kiện mà các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông tin mạng cần đáp ứng để được hưởng cơ chế miễn trừ. Có thể tham khảo một số điều kiện được đưa ra bởi Hoa Kỳ như sau:

(i) Việc truyền tải dữ liệu được khởi xướng bởi hoặc theo chỉ đạo của một người khác, không phải là nhà cung cấp dịch vụ.

(ii) Việc truyền tải phải diễn ra thông qua một quy trình kỹ thuật tự động mà không có sự can thiệp của nhà cung cấp.

(iii) Nhà cung cấp dịch vụ không lựa chọn người nhận dữ liệu, trừ khi đó là một sự phản hồi tự động đối với yêu cầu của một người dùng khác.

Thứ hai, bổ sung trường hợp ngoại trừ đối với điều kiện: “Không ngăn cản việc sử dụng hợp pháp công nghệ được thừa nhận rộng rãi trong ngành công nghiệp để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số” trong trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lưu trữ đệm. Việc sử dụng công nghệ để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số có thể gây cản trở đáng kể đối với hiệu suất hệ thống của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lưu trữ đệm.

Thứ ba, bổ sung trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam chưa có quy định về trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin. Để hoạt động của các nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin phát triển ở Việt Nam, cần bổ sung trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin vào hệ thống các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Các quy định liên quan đến điều kiện miễn trừ có thể tham khảo từ thực tiễn quy định của pháp luật Hoa Kỳ, gồm những điều kiện sau:

(i) Không có kiến thức thực tế (actual knowledge) về hành vi xâm phạm quyền tác giả và nếu có thì hành động một cách nhanh chóng để gỡ bỏ hoặc chặn quyền truy cập đến các tài liệu đó.

(ii) Không nhận được lợi ích tài chính trực tiếp có thể quy về hoạt động vi phạm, trong trường hợp

nhà cung cấp dịch vụ có quyền và khả năng kiểm soát các hoạt động vi phạm đó.

(iii) Các ISPs cần hành động một cách nhanh chóng để gỡ bỏ hoặc ngăn chặn quyền truy cập đến các tài liệu được báo cáo là vi phạm hoặc là đối tượng của hành vi vi phạm sau khi nhận được thông báo hợp lệ.

Kết luận

Từ những quy định về cơ chế Safe Harbor tại Hoa Kỳ, có thể thấy, các quy định này tương đối đầy đủ và phù hợp. Với ý nghĩa đó, Việt Nam có thể tham khảo nội dung các quy định trên, đồng thời, trong tương quan so sánh với bối cảnh của Việt Nam, nghiên cứu bổ sung các quy định của pháp luật, đặc biệt, các quy định liên quan đến các trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả của bên thứ ba □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bui Dinh Nghia (2023), “*Safe Harbor Mechanism for Intermediary Service Providers in the World and Recommendations for Improving Vietnamese Law*”, VNU Journal of Science.

2. Lê Thị Hồng Nhung, “*Định tuyến là gì? Những điều cần biết và tác động của định tuyến trong kết nối mạng*”, <https://fptshop.com.vn/tin-tuc/danh-gia/dinh-tuyen-la-gi-174701>, truy cập ngày 28/3/2025.

3. DNTECH, “*Lịch sử của Internet*”, <https://dntech.vn/lich-su-cua-internet-110-26.html>, truy cập ngày 28/3/2025.

4. Matthew Sag (2018), “*Internet Safe Harbors and the Transformation of Copyright Law*”, University of Chicago

5. The National Information Infrastructure: Agenda for Action (1993), US, <https://clintonwhitehouse6.archives.gov/1993/09/1993-09-15-the-national-information-infrastructure-agenda-for-action.html>, truy cập ngày 28/3/2025.